

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG NAM Á

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ đạt yêu cầu từ 92% trở lên. - Bé chuyên cần 98% trở lên. - Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi: đầu vào 0/120; đầu ra 0/120. - Tỷ lệ dư cân béo phì: đầu vào 0/120; đầu ra 0/120. • MỤC TIÊU: Chương trình giáo dục trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi nhằm phát triển hài hòa về các mặt nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, tình cảm- kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. I. Phát triển thể chất: - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt của trẻ nhà trẻ. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn ngủ và vệ sinh cá nhân. II. Phát triển nhận thức: - Trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự thay đổi các giác quan.	- Trẻ đạt yêu cầu từ 92% trở lên. - Bé chuyên cần 98% trở lên. - Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi: đầu vào 0/120; đầu ra 0/120. - Tỷ lệ dư cân béo phì: đầu vào 0/120; đầu ra 0/120. • MỤC TIÊU: Chương trình giáo dục trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi nhằm phát triển hài hòa về các mặt nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, tình cảm- kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. I. Phát triển thể chất: - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thực hiện các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế . - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹ, mạnh mẽ, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

		- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. III. Phát triển ngôn ngữ: - Trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Biết sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. IV. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....	- Có một số thói quen, kỹ năng trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân. II. Phát triển nhận thức: - Trẻ ham hiểu, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. Phát triển ngôn ngữ: - Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau. - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp với lứa tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu của việc đọc và viết. IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự tự. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình,
--	--	--	---

			trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. V. Phát triển thẩm mỹ: - Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo thông tư Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT.	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	V. Phát triển thể chất: - 100% trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - 100% thích nghi với chế độ sinh hoạt của trẻ nhà trẻ. - 99% có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - 75% có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay ngón tay. - 90% có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn ngủ và vệ sinh cá nhân. VI. Phát triển nhận thức: - 100% trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - 100% có sự thay đổi các giác quan. - 90% có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - 90% có một số hiểu biết ban đầu về bản thân các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	I. Phát triển thể chất: - 90% trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - 100% thực hiện các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế . - 90% có một số tố chất vận động: nhanh nhẹ, mạnh mẽ, đúng tư thế. - 90% có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - 100% có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - 100% có một số thói quen, kỹ năng trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân. II. Phát triển nhận thức: - 100% trẻ ham hiểu, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

		VII. Phát triển ngôn ngữ: - 100% trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - 90% biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - 90% biết sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - 90% có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - 100% hồn nhiên trong giao tiếp. VIII. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. - 90% có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - 80% có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - 100% thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - 95% thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....	- 95% có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - 100% có khả năng diễn đạt sự hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. Phát triển ngôn ngữ: - 100% trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - 95% có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau. - 100% diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - 100% có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - 97% có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp với lứa tuổi. - 100% có một số kỹ năng ban đầu của việc đọc và viết. IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: - 100% có ý thức về bản thân. - 100% có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - 97% có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự giác. - 100% có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - 100% thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. V. Phát triển thẩm mỹ: - 90% trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
--	--	---	--

		- 95% có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - 90% yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Chăm sóc vệ sinh: + Vệ sinh cá nhân trẻ: Lau mặt, rửa tay, đánh răng, vệ sinh khi đi tiểu tiện.... + Vệ sinh phòng học: Thông thoáng khí, vệ sinh nền nhà, đồ dùng, đồ chơi theo lịch quy định. + Vệ sinh môi trường: Vệ sinh trong và xung quanh trường. - Theo dõi thể lực, sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Quản lý tiêm chủng đúng lịch. - Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm học. - Phòng và xử lý một số tai nạn có thể xảy ra ở trường. - Phòng và xử lý các bệnh dịch truyền nhiễm. - Chế độ sinh hoạt: thực hiện đúng chế độ sinh hoạt đối với từng lứa tuổi của trẻ theo thời gian biểu. - Chế độ dinh dưỡng: + Đảm bảo chế độ ăn phù hợp với từng lứa tuổi trẻ. + Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng đạm, béo, đường, muối khoáng, xơ. + Hằng ngày cho trẻ uống đủ nước, uống thêm nước trái cây. + Đảm bảo ăn uống vệ sinh sạch sẽ. + Chế biến phù hợp và thay đổi thực phẩm để trẻ ăn ngon miệng và ăn hết suất. - Tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi trong lớp, vui chơi ngoài trời và các hoạt động theo ý thích của trẻ. - Tổ chức các hoạt động tại phòng chức năng: Phòng đàn, phòng Montessori.

Bình Trị Đông B, ngày 21 tháng 09 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Văn Tôn Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG NAM Á****THÔNG BÁO****Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2020 -2021**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	120	0	6	15	34	36	19
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	120	0	6	15	34	36	19
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	120	0	6	15	34	36	19
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	120	0	6	15	34	36	19
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	120	0	6	15	34	36	19
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	120	0	6	15	34	36	19
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	120	0	6	15	34	36	19
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0	0	0

5	Số trẻ thừa cân béo phì	0	0	0	0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	21	0	6	15	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	99	0	0	0	34	36	19

Bình Trị Đông B, ngày 21 tháng 09 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Văn Tôn Đạt

Biểu mẫu 03

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG NAM Á

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020 -2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	10	2 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	10	2 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2000	11 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1000	5,5 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	732	2 m ² /trẻ em
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	400	2 m ² /trẻ em

2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	100	0,4 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	100	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	36	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	36	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	60	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	1 bộ/ lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	10	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	8		8	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0		0	

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	

XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Bình Trị Đông B, ngày 21 tháng 09 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Văn Tôn Đạt

Biểu mẫu 04

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG NAM Á

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020 – 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	33	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
I	Giáo viên	12	0	0	0	0	0	0	0	10	0				
1	Nhà trẻ	3	0	0	0	2	1	0	0	3	0		3		
2	Mẫu giáo	9	0	0	3	5	1	0	0	9	0		9		
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3				

1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	1	1	0	0	0	2	1	1		
III	Nhân viên	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0				
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0				
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0				
5	Nhân viên khác	6	0	0	1	0	1	0	0	0	0				

Bình Trị Đông B, ngày 21 tháng 09 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Văn Tôn Đạt